

THỎA THUẬN TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN – DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC
TIME DEPOSIT AGREEMENT – FOR ORGANIZATIONS

Số/No.

Hôm nay, ngày tháng năm tại chúng tôi gồm có:
Today, on date month year at with parties

BÊN GỬI TIỀN (BÊN A) / DEPOSITOR (PARTY A)

Tổ chức/ Organization:.....
 Cư trú / Resident Không cư trú / Non-resident
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy phép đầu tư/ Quyết định thành lập/ Giấy phép hoạt động/ Certificate of business registration/ Investment licence / Establishment decision/ Operating license:
Số/ No: cấp bởi/ issued by
cấp lần đầu ngày/ first issue date, thay đổi lần thứ/ amendment ngày/ dated.....
Mã số thuế/ Tax code:.....
Địa chỉ/ Address:.....
Đại diện hợp pháp bởi/ Legally represented by:.....
Chức vụ/ Title:.....
CMND/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu số/ ID card/ Resident card/ Passport No.:.....
Ngày cấp/Issuing date:..... Nơi cấp/ Issuing place:.....
Theo Giấy ủy quyền số/ Authorization letter No..... Ngày/ Date:..... (nếu có/if any)

BÊN NHẬN GỬI TIỀN (BÊN B) / RECEIVER (PARTY B)

Ngân hàng TNHH INDOVINA (IVB) – CN/PGD/ Indovina Bank Ltd – Branch/ T.O:.....
Địa chỉ/ Address:.....
Điện thoại/ Phone:..... Fax:.....
Đại diện bởi/ Legally represented by:..... Chức vụ/Title:.....
Theo Giấy ủy quyền Số/ Authorization letter No:..... Ngày/ Date:.....

Hai bên đã thỏa thuận và thống nhất ký kết Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn này (sau đây gọi tắt là Thỏa thuận) với các điều khoản như sau/ Two parties have agreed to sign this Time Deposit Agreement (hereinafter referred to Agreement) with the terms and conditions as follows:

Điều 1: NỘI DUNG GỬI TIỀN / Article 1: DEPOSIT CONTENT

Tên sản phẩm/ Product: Tiền gửi có kỳ hạn thông thường/ Normal time deposit
 Tiền gửi kỳ hạn linh hoạt/ Flexible time deposit
Loại tiền/ Currency: Việt Nam Đồng/ VND Đô la Mỹ/ USD Khác/ Other:.....
Số tiền/ Amount:.....
Bằng chữ/ In words:.....
Kỳ hạn gửi/ Term:..... Ngày gửi tiền/ Value date: .../.../..... Ngày đến hạn/ Maturity date: .../.../.....
Lãi suất tiền gửi/ Interest rate: % năm/ p.a
Phương thức trả lãi/ Method of interest payment:
▪ Tiền gửi có kỳ hạn thông thường/ Normal time deposit:
 Lãi cuối kỳ/ at maturity Lãi hàng tháng/ monthly Lãi hàng quý/ quarterly Lãi trả trước/ prepaid
▪ Tiền gửi kỳ hạn linh hoạt: chỉ áp dụng phương thức trả lãi cuối kỳ/ Flexible time deposit: only applied the interest payment paid at maturity.

Điều 2: PHƯƠNG THỨC GỬI TIỀN / Article 2: DEPOSIT METHOD

Chuyển khoản từ tài khoản thanh toán của chính Bên A được chỉ định sau đây/ By transfer from Party A's current account as follows:

Chủ tài khoản/ Account holder:
Số tài khoản/ Account No.:.....
Mở tại/ Opened at:
Nội dung: Chuyển tiền mở tiền gửi có kỳ hạn theo Thỏa thuận tiền gửi có kỳ hạn số
Content: Transfer for opening Time deposit account under Agreement No.

Điều 3: PHƯƠNG THỨC CHI TRẢ GỐC VÀ LÃI / Article 3: PAYMENT METHOD

Vào ngày chi trả gốc và/hoặc lãi, nếu Bên A và Bên B không có thỏa thuận nào khác bằng văn bản, thì gốc và/hoặc lãi

sẽ được / *On the payment date of principal and/or interest, unless otherwise agreed in writing, the principal and/or interest will be:*

- Chuyển khoản vào tài khoản với thông tin tại Điều 2 Thỏa thuận này/ *Transferred to account info at Article 2.*
- Chuyển vào tài khoản thanh toán của Bên A với thông tin như sau/ *Transferred to Party A's current account:*
Chủ tài khoản/ *Account holder:*
Số tài khoản/ *Account No.:*.....
Mở tại/ *Opened at:*

Điều 4: CHỈ ĐỊNH TÁI TỤC THỎA THUẬN / Article 4: ROLL-OVER OF AGREEMENT

Vào ngày đến hạn, nếu không có thỏa thuận khác bằng văn bản, Bên A và Bên B thống nhất/ *On maturity date, unless otherwise agreed in writing, Party A and Party B agree to:*

- Không tái tục Tái tục gốc Tái tục gốc và lãi
No roll-over Roll-over for Principal only Roll-over for Principal and Interest

Điều 5: PHƯƠNG THỨC THU PHÍ (NẾU CÓ) / Article 5: SERVICES FEE COLLECTION (IF ANY)

- Ghi nợ từ tài khoản số/ *Debit from account No..... của Bên A mở tại Bên B, CN/PGD/ of Party A opened at Party B, Branch/T.O.....*
- Khác/ *Other:*

Điều 6: RÚT VỐN GỐC TRƯỚC HẠN/ Article 6: WITHDRAWAL OF PRINCIPAL BEFORE MATURITY

- Bên A không được rút vốn trước hạn/ *Party A is not allowed to withdraw the principal before maturity.*
- Bên A được rút vốn trước hạn/ *Party A is allowed to withdraw the principal before maturity.*

Điều 7: ĐIỀU KHOẢN VỀ CHẤM DỨT THỎA THUẬN/ Article 7: TERMINATION OF AGREEMENT

Thỏa thuận tiền gửi chấm dứt khi/ *This Agreement shall be terminated as:*

1. Vào ngày đến hạn, nếu Bên A và Bên B thống nhất chọn Phương thức tái tục là “Không tái tục” thì Thỏa thuận này sẽ tự động hết hiệu lực/ *On the maturity date, if Party A and Party B agree on the roll-over method as “No roll-over”, this Agreement will automatically be terminated.*
2. Vào ngày đến hạn, nếu Bên A và Bên B thống nhất chọn Phương thức tái tục là “Tái tục gốc” hoặc “Tái tục gốc và lãi” nhưng tại thời điểm tái tục, Bên A không thỏa điều kiện kéo dài thời hạn gửi tiền theo quy định của Bên B thì Thỏa thuận này sẽ tự động hết hiệu lực./ *On the maturity date, if Party A and Party B agree on the roll-over method as “Roll-over of principal” or “Roll-over of principal and interest” but Party A does not meet the requirements for roll-over the Agreement, this Agreement will automatically be terminated.*
3. Bên A không chuyển đủ tiền đến Bên B vào ngày gửi tiền: Bên A sẽ không được hưởng bất kỳ một khoản tiền lãi có kỳ hạn nào phát sinh trên số tiền đã nộp hoặc chuyển tới Bên B (nếu có) trước ngày gửi tiền. Phần tiền đã nhận sẽ được Bên B hoàn trả vào tài khoản thanh toán theo chỉ định của Bên A./ *Party A does not transfer the full amount to Party B on the value date: Party A will not receive any arising time deposit interest on deposited/transferred amount to Party B (if any) before the value date. Party B will transfer that deposited/transferred amount into the designated current account of Party A.*
4. Vào bất kỳ thời điểm nào, khi Bên A có nhu cầu thanh lý Thỏa thuận, Bên A lập Giấy đề nghị theo mẫu của Bên B và gửi cho Bên B. Bên B căn cứ vào giấy đề nghị này tiến hành thanh lý Thỏa thuận theo yêu cầu của Bên A/ *At any time, when Party A needs to terminate the Agreement, Party A shall send Request to Party B as Party B's form. Party B will terminate the Agreement pursuant to this request.*
5. Một trong hai Bên giải thể, phá sản theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền/ *One of the two parties dissolves/ bankrupts under the decision of the competent Authorities.*
6. Có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật/ *Having the decision or writing request of competent Authorities in accordance with the provisions of laws.*

Điều 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN/ Article 8: RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE PARTIES

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A/ *Rights and obligations of Party A:*
 - Yêu cầu Bên B thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Thỏa thuận tiền gửi / *Require Party B to perform the obligations committed in this Agreement.*
 - Được yêu cầu Bên B cung cấp thông tin liên quan đến khoản tiền gửi/ *Request Party B to provide the information related to the deposit account.*
 - Được thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi tiền gửi có kỳ hạn theo thỏa thuận với Bên B/ *To be paid fully the principal, interests of the time deposit under the agreement made with Party B.*

- Được quyền thực hiện các giao dịch liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn theo quy định tại các văn bản pháp luật có liên quan/ *To carry out transactions relating to the time deposit in accordance with provisions in related legal documents.*
- Được chuyển giao quyền sở hữu tiền gửi có kỳ hạn, được ủy quyền cho người khác thực hiện các giao dịch tiền gửi có kỳ hạn theo quy định của pháp luật/ *To transfer the ownership over their time deposit, to authorize others to carry out time deposit transactions in accordance with laws.*
- Được sử dụng số dư tiền gửi làm tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật. Bên A và/hoặc bên nhận bảo đảm có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên B biết và yêu cầu Bên B thực hiện phong tỏa Số dư tiền gửi khi sử dụng làm tài sản bảo đảm. / *Use the deposit balance as collateral in accordance with the provisions of laws. Party A and/or the collateral receiver are obliged to notify in writing to Party B and request Party B to block this time deposit.*
- Chuyển số tiền đã cam kết gửi cho Bên B đầy đủ và đúng hạn đã thỏa thuận trong Thỏa thuận tiền gửi / *Transfer fully, accurately and timely the committed amount to Party B as agreed in this Agreement.*
- Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của số tiền gửi tại Bên B và cam kết số tiền gửi là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Bên A, không có nguồn gốc hoặc liên quan đến hoạt động rửa tiền. Số tiền gửi không có tranh chấp với bên thứ ba, Bên A tự giải quyết và không ảnh hưởng đến việc thực hiện Thỏa thuận tiền gửi với Bên B/ *Be responsible for the legality of the deposit amount at Party B and to commit the deposit amount is the property owned by Party A legally, without origin from or related to money laundering activities. The deposit amount is not in dispute with third party, Party A shall self-resolve and not affect the implementation of this Agreement with Party B.*
- Thông báo trước về yêu cầu rút tiền trước hạn theo quy định của Bên B/ *To give notice in advance of the request for the withdrawal prior to the maturity date in accordance with provisions of Party B.*
- Lập tức thông báo cho Bên B khi có thay đổi liên quan đến người đại diện theo pháp luật/ người được ủy quyền./ *To immediately notice to Party B in case of changing of legal representative/ authorized person.*
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các giấy tờ pháp lý liên quan cung cấp cho Bên B./ *To take responsibility on all given information to Party B.*
- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do không khai báo kịp thời với Bên B về việc thỏa thuận bị nhàu nát/ rách/ nhòe chữ/ hư hỏng hoặc mất / *To be responsible for losses caused by the failure to timely declare to Party B that the Agreement is crumpled/ torn/ blurred/ broken or lost.*
- Thực hiện đúng cam kết tại Thỏa thuận / *Strictly comply with this Agreement.*
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Thỏa thuận / *Other rights and obligations under this Agreement.*

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B/ *Rights and obligations of Party B:*

- Yêu cầu Bên A thực hiện các nghĩa vụ đã cam kết trong Thỏa thuận / *Require Party A to perform the obligations committed in this Agreement.*
- Yêu cầu Bên A chuyển số tiền gửi đầy đủ và đúng hạn đã thỏa thuận trong Thỏa thuận này/ *Require Party A to transfer fully, accurately and timely the committed amount as agreed in this Agreement.*
- Được quyền từ chối việc nhận và chi trả tiền gửi có kỳ hạn nếu Bên A không thực hiện theo đúng Quy định và các thỏa thuận đã cam kết với Bên B/ *To be entitled to refuse the receipt and payment of time deposits if Party A fail to correctly comply with provisions in this Regulation and agreements, which they have committed to Party B.*
- Được quyền từ chối việc chi trả tiền gửi có kỳ hạn đối với thỏa thuận tiền gửi đã bị lợi dụng nhưng không phải do lỗi của Bên B/ *To be entitled to refuse the payment of time deposits against the Agreement that has been misused but not due to the fault of Party B.*
- Được quyền trích số dư tiền gửi tại Thỏa thuận này chi trả cho các khoản phí phát sinh liên quan đến Thỏa thuận này và/hoặc các nghĩa vụ khác (nếu có) của Bên A hoặc của bên khác mà Bên A có thỏa thuận đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên đó tại Bên B. Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Bên A trước khi thực hiện việc trích tài khoản tiền gửi nêu trên/ *Have a right to deduct the amount of the Time deposit account opened as agreed in this Agreement to pay arising fees related to this Agreement and/or other obligations (if any) of Party A or other parties that Party A has an obligation to repay for that parties at Party B. Party B is responsible to notify in writing to Party A before making the deduction of the Time deposit account as mentioned above.*
- Được toàn quyền phong tỏa số dư tiền gửi trên tài khoản tiền gửi theo quy định của pháp luật và/hoặc trong trường hợp số dư tiền gửi được dùng làm tài sản bảo đảm/ *Have full right to block deposit balance on time deposit account in accordance with laws and/or in case that the deposit balance is used as collateral.*
- Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi cho Bên A theo đúng quy định tại Thỏa thuận này/ *Fully and timely make payments for principal, interest for Party A in accordance with the provisions of this Agreement.*
- Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết khi thực hiện các giao dịch có liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn và phù hợp với các quy định của pháp luật./ *Require Party A to provide necessary information prior to perform any transaction relating to time deposit and in accordance with the laws.*

- Cung cấp các thông tin liên quan đến khoản tiền gửi theo yêu cầu của Bên A và khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/ *Provide information relating to the Time deposit as required by Party A and authorized governance.*
- Bảo đảm bí mật thông tin về tiền gửi theo quy định của pháp luật/ *Ensure the confidentiality of information related to the Time deposit in accordance with the laws.*
- Chịu trách nhiệm về những thiệt hại, vi phạm, lợi dụng đối với tiền gửi có kỳ hạn do lỗi của Bên B/ *Responsible for damages, violations, and abuse of time deposits due to the fault of Party B.*
- Thực hiện đúng cam kết tại Thỏa thuận/ *Strictly comply with this Agreement.*
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Thỏa thuận / *Other rights and obligations under this Agreement.*

Điều 9: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH/ Article 9: IMPLEMENTATION ARTICLE

- Thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký/ *This Agreement is valid from the date of signing.*
- Các giao dịch bằng ngoại tệ liên quan đến Thỏa thuận này được thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam và của Bên B về quản lý ngoại hối/ *Foreign currency transactions related to this Agreement shall be in accordance with the laws of Vietnam and Party B on foreign exchange management.*
- Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ Thỏa thuận này mà hai bên không thể giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam theo pháp luật Việt Nam/ *Any dispute arising from this Agreement which the two parties can not resolve by negotiation shall be referred to the competent court of Vietnam under Vietnamese law.*
- Thỏa thuận này có thể sửa đổi trên cơ sở thỏa thuận và đồng ý bằng văn bản của cả hai bên. Văn bản sửa đổi, bổ sung là một phần không tách rời của Thỏa thuận này/ *This Agreement may be amended on the basis of agreement and written consent of both parties. These amendments are inseparable parts of this Agreement.*
- Các bên cam kết các thông tin cung cấp theo Thỏa thuận này là chính xác và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin đã cung cấp/ *The parties commit that the information provided under this Agreement is accurate and are responsible for such information.*
- Bên A xác nhận đã được Bên B cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung Thỏa thuận, Điều khoản và Điều kiện tiền gửi có kỳ hạn. Bên A xác nhận đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các nội dung tại Thỏa thuận, Điều khoản và Điều kiện tiền gửi có kỳ hạn. Đây là căn cứ để Bên A và Bên B thực hiện giao dịch liên quan đến tiền gửi có kỳ hạn của Bên A tại Bên B/ *Party A hereby agrees that Party B has fully provided and declared all relevant informations on this Agreement, Terms and Conditions of time deposit. Party A hereby confirms that Party A has read, clearly understood and agreed with all relevant informations on this Agreement, Terms and Conditions of time deposit. This is the basis for Party A and Party B to carry out transactions relating to the Time deposit of Party A at Party B.*
- Thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản song ngữ Việt – Anh, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản. Trường hợp có bất kỳ mâu thuẫn nào phát sinh về sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng Việt thì tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng/ *This Agreement is made in 02 (two) bilingual copies in Vietnamese - English with the same validity, each party keeps 01 (one) copy. In case there is any dispute, difference between English and Vietnamese, the Vietnamese language shall prevail.*

**ĐẠI DIỆN BÊN A/
FOR AND ON BEHALF OF PARTY A**
(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu/
Signature, full name, stamp)

**ĐẠI DIỆN BÊN B/
FOR AND ON BEHALF OF PARTY B**
(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu/
Signature, full name, stamp)